

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.708.585.878.707	888.198.510.305
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	84.611.748.556	158.213.544.035
1. Tiền	111		79.461.748.556	158.213.544.035
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.150.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44.434.787.200	8.055.501.400
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	50.353.343.414	13.537.927.414
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(5.918.556.214)	(5.482.426.014)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.638.735.414.160	266.101.767.527
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	289.830.454.355	143.181.077.035
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	1.336.097.091.179	113.873.147.399
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	12.807.868.626	9.047.543.093
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		903.853.984.737	417.148.392.498
1. Hàng tồn kho	141	V.7	903.853.984.737	417.148.392.498
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.949.944.054	38.679.304.845
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.502.502.617	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.493.633.061	37.609.263.035
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		14.570.337	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.939.238.039	1.070.041.810

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.612.664.819.046	6.377.015.377.786
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.341.555.517.235	6.137.305.903.446
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	2.443.843.310.023	1.385.964.508.805
<i>Nguyên giá</i>	222		4.210.098.856.402	1.814.251.323.143
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.766.255.546.379)	(428.286.814.338)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	117.254.524.815	85.407.428.189
<i>Nguyên giá</i>	228		123.667.748.230	89.544.343.362
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.413.223.415)	(4.136.915.173)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	5.780.457.682.397	4.665.933.966.452
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50.050.000.000	48.580.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	56.000.000.000	56.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.12	(5.950.000.000)	(7.420.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		221.059.301.811	191.129.474.340
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	218.370.835.145	189.295.084.210
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	2.688.466.666	1.834.390.130
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.321.250.697.753	7.265.213.888.092

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		8.906.693.678.723	6.094.240.904.860
I. Nợ ngắn hạn	310		2.347.218.005.605	1.337.288.760.894
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	1.382.383.206.935	742.303.071.987
2. Phải trả người bán	312	V.16	764.437.746.133	524.159.514.796
3. Người mua trả tiền trước	313		8.683.193.360	5.772.840.158
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	48.442.228.852	8.018.652.122
5. Phải trả người lao động	315	V.18	17.950.850.657	36.083.433.261
6. Chi phí phải trả	316	V.19	18.147.044.511	6.159.654.952
7. Phải trả nội bộ	317		71.928.555.000	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	36.317.542.644	17.440.344.379
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	(1.072.362.487)	(2.648.750.760)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.559.475.673.118	4.756.952.143.965
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	6.559.253.615.521	4.756.952.143.965
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		222.057.597	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.414.557.019.030	1.170.972.983.232
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.414.557.019.030	1.170.972.983.232
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	1.980.000.000.000	1.100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	70.790.410.045	68.945.452.346
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.23	5.517.214.120	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.23	(902.752.100)	(902.752.100)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.23	70.494.561.652	(215.666.661.549)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	97.063.215.208	47.284.353.739
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	31.401.970.440	14.200.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	160.192.399.665	157.112.590.796
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.321.250.697.753	7.265.213.888.092

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		42.887.708	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		190.991.779	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		5.504,86	9.725,60
Euro (EUR)		3.128,94	41.906,12
Dollar HongKong (HKD)		-	7.117.262,76
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2010

Trương Thị Thu Hương
Người lập biểu**Phạm Đình Nhật Cường**
Trưởng phòng tài chính kế toán**Trần Việt Thắng**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ


Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

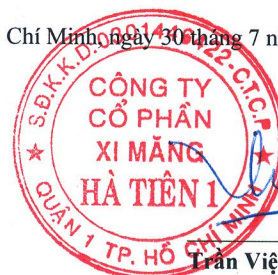
Quý II năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.216.888.522.607
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	18.395.493.900
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.198.493.028.707
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	963.941.713.329
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		234.551.315.378
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	55.146.817.456
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	87.621.568.513
Trong đó: chi phí lãi vay	23		77.939.059.225
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	39.658.396.217
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	54.470.506.466
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		107.947.661.638
11. Thu nhập khác	31		804.394.394
12. Chi phí khác	32		3.267.884.027
13. Lợi nhuận khác	40		(2.463.489.633)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		105.484.172.005
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		23.015.808.461
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.568.466.000)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		85.036.829.544
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	618

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2010


 Trương Thị Thu Hương
 Người lập biểu


 Phạm Đình Nhật Cường
 Trưởng phòng tài chính kế toán




 Trần Việt Thắng
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2010

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		105.484.172.005
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02		67.498.919.496
- Các khoản dự phòng	03		(728.365.400)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(47.853.718.337)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		712.934.798
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	77.939.059.225
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		203.053.001.787
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(142.625.212.391)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(180.543.222.937)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		84.173.372.105
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.709.876.691)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(178.133.515.449)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(3.034.976.437)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		318.353.355.913
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.000.234.144)
- Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		86.532.691.756
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(337.587.834.120)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(23.400.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1.917.192.261
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.575.475.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(331.118.566.308)


CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II Năm 2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.221.533.254.681
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.034.550.550.263)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(73.286.008.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		113.696.695.718
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(130.889.178.834)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	158.213.544.035
Tiền và tương đương tiền tăng do sáp nhập			58.162.642.666
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(875.259.311)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	84.611.748.556

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2010


Trương Thị Thu Hương
Người lập biểu


Phạm Đình Nhật Cường
Trưởng phòng tài chính kế toán



Trần Việt Thắng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán xi măng, các sản phẩm từ xi măng, thạch cao, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng; Xây dựng dân dụng; Kinh doanh bất động sản (cao ốc văn phòng cho thuê). Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Biên bản họp Đại hội cổ đông bất thường năm 2009 của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 ngày 29 tháng 12 năm 2009 và Biên bản họp Đại hội cổ đông của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 ngày 21 tháng 12 năm 2009, các cổ đông của hai công ty đã nhất trí sáp nhập Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Hà Tiên 2 sang Hà Tiên 1. Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 sẽ phát hành 88.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2. Việc phát hành cổ phiếu chuyển đổi đã hoàn tất vào ngày 05 tháng 5 năm 2010. Sau đó, ngày 26 tháng 6 năm 2010, Đại hội cổ đông của Công ty Cổ phần xi măng Hà tiên 1 (sau sáp nhập) đã bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát mới của Công ty.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính sáp nhập Công ty Cổ phần xi măng Hà tiên 2 vào Công ty Cổ phần xi măng Hà tiên 1 được lập tương tự theo các hướng dẫn của Công văn số 3618/BTC-CĐKT ngày 26 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính trả lời Công văn số 194/PVD ngày 05 tháng 02 năm 2010 và Công văn giải trình bổ sung số 335/PVD ngày 12 tháng 3 năm 2010 của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí về việc hạch toán sáp nhập PVDI vào PVD.

Công ty chọn ngày sáp nhập là ngày 30 tháng 4 năm 2010 vì tại ngày này đã cơ bản hoàn tất việc chuyển đổi cổ phiếu.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Sản phẩm dở dang được tính cho nguyên vật liệu chính bao gồm clinker, thạch cao, đá vôi và đá mu rùa theo định mức cấu thành trong thành phẩm của từng dây chuyền sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Giá trị tài sản được chuyển giao từ Doanh nghiệp Nhà nước được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 27 tháng 9 năm 2006 của Công ty Kiểm toán Việt Nam và kết quả đánh giá lại tài sản của Công ty được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 1401/QĐ-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về xác định giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa, Quyết định số 960/QĐ-BXD ngày 03 tháng 7 năm 2007 về giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao 18 tháng 01 năm 2007 từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giá trị chuyển nhượng và đánh giá lại của 20 ha đất tại Phước Cơ, TP. Vũng Tàu và đất tại 360 Bến Chương Dương, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.
- Các chi phí bồi thường và hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, cây trồng cho các hộ dân cư ngụ tại mỏ đá Vĩnh Tân – Đồng Nai. Chi phí này được phân bổ trong 10 năm và đã phân bổ hết.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao 2 - 4 năm.

Chi phí khác

Bản quyền, bằng sáng chế là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền, bằng sáng chế vào sử dụng. Bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao trong 3 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Giá trị thương hiệu

Giá trị thương hiệu của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 (trước sáp nhập) được xác định bởi Công ty kiểm toán Ernst & Young theo Báo cáo định giá ngày 25 tháng 6 năm 2006 và được định giá lại theo Quyết định số 1401/QĐ-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2006 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu được phân bổ trong 30 năm.

Giá trị thương hiệu của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 (trước sáp nhập) được xác định bởi Công ty TNHH tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) và được thông qua Quyết định số 865/QĐ-BXD ngày 11 tháng 6 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty xi măng Hà Tiên 2 bao gồm cả giá trị lợi thế của doanh nghiệp. Giá trị thương hiệu này được phân bổ trong thời gian 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí tư vấn sáp nhập

Chi phí tư vấn phát sinh trong quá trình sáp nhập Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 được phân bổ trong 3 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế. Thu nhập của riêng Công ty xi măng Hà Tiên 1 (không kể Nhà máy Kiên Lương) được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh chính trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm thứ 4 Công ty hoạt động kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế phải nộp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Đối với Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 (trước khi sáp nhập) thì việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Khi sáp nhập vào Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 thì việc xử lý chênh lệch tỷ giá thực hiện tương tự như Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1.

Riêng khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ của Ban quản lý (cụ thể là dự án Bình Phước) được ghi nhận vào chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán và sẽ thực hiện phân bổ trong thời gian tối đa 5 năm kể từ khi dự án hoàn thành đi vào sản xuất theo Công văn chấp thuận số 9636/BTC-TCDN ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2009	: 17.941 VND/USD
		: 27.010 VND/EUR
	30/6/2010	: 18.544 VND/USD
		: 23.468 VND/EUR
		: 2 465 VND/HKD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	876.502.495	129.121.149
Tiền gửi ngân hàng	77.806.246.061	141.038.578.576
Tiền đang chuyển	779.000.000	17.045.844.310
Các khoản tương đương tiền	5.150.000.000	-
(Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		
Cộng	84.611.748.556	158.213.544.035

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	70.000	7.314.800.000	70.000	7.314.800.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	-	46.560	3.207.984.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	10.000	831.660.000	5.000	831.660.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	11.200	1.066.128.000	8.400	1.066.128.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	4.030	249.030.880	4.030	249.030.880
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	18.394	821.731.534	18.394	821.731.534
- Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An	4.160	69.993.000	2.600	46.593.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 909	600	-	600	-
Ủy thác vốn cho Công ty tài chính cổ phần xi măng		40.000.000.000		-
Cộng		50.353.343.414		13.537.927.414

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn: tăng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn công bố chia cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 1:1.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí: tăng do nhận cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 3:1.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bầy Bầy: giảm do thanh lý toàn bộ cổ phiếu của công ty này.
- Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An: tăng do mua 1.560 cổ phiếu.
- Ủy thác vốn cho Công ty tài chính cổ phần xi măng: tăng do sáp nhập.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Số đầu năm	(5.482.426.014)
Trích lập trong kỳ	(436.130.200)
Cộng	(5.918.556.214)

4. Phải thu khách hàng

Khoản phải thu các khách hàng tiền bán sản phẩm.

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban quản lý dự án Hà Tiên 2.2	1.271.989.583.245	-
Các khoản trả trước khác	64.107.507.934	113.873.147.399
Cộng	1.336.097.091.179	113.873.147.399

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
BHXH và BHYT phải thu	11.373.574	-
Thuế GTGT nhập khẩu chưa kê khai khấu trừ	6.535.720.457	8.339.918.451
Lãi đầu tư ngắn hạn dự thu	3.562.500.000	-
Các khoản phải thu khác	2.698.274.595	707.624.642
Cộng	12.807.868.626	9.047.543.093

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	3.784.388.504	34.742.857.142
Nguyên liệu, vật liệu	645.605.107.300	271.637.974.874
Công cụ, dụng cụ	2.597.353.424	2.118.169.730
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154.263.564.650	75.986.807.101
Thành phẩm	97.603.570.859	32.662.583.651
Cộng	<u>903.853.984.737</u>	<u>417.148.392.498</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	292.319.162.331	1.450.142.752.935	61.360.840.763	10.428.567.114	-	1.814.251.323.143
Tăng trong năm	774.990.069.173	1.513.476.281.105	98.395.195.805	20.323.640.025	391.410.797	2.407.576.596.905
<i>Tăng do sáp nhập</i>	<i>773.659.842.818</i>	<i>1.509.125.036.744</i>	<i>94.818.384.724</i>	<i>17.233.107.744</i>	<i>391.410.797</i>	<i>2.395.227.782.827</i>
<i>Mua sắm mới</i>	<i>48.000.000</i>	<i>4.336.644.361</i>	<i>3.576.811.081</i>	<i>2.934.721.391</i>	<i>-</i>	<i>10.896.176.833</i>
<i>Đầu tư XD CB hoàn thành</i>	<i>1.282.226.355</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.282.226.355</i>
<i>Tăng khác</i>	<i>-</i>	<i>14.600.000</i>	<i>-</i>	<i>155.810.890</i>	<i>-</i>	<i>170.410.890</i>
Giảm trong năm	-	(7.831.597.097)	(2.650.851.000)	(1.232.901.149)	(13.714.400)	(11.729.063.646)
<i>Giảm do sáp nhập</i>						
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>-</i>	<i>(2.708.251.320)</i>	<i>(1.000.000.000)</i>	<i>(147.440.700)</i>	<i>-</i>	<i>(3.855.692.020)</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>-</i>	<i>(639.780.890)</i>	<i>(50.851.000)</i>	<i>(14.600.000)</i>	<i>-</i>	<i>(705.231.890)</i>
Số cuối kỳ	<u>1.067.309.231.504</u>	<u>2.955.787.436.943</u>	<u>157.105.185.568</u>	<u>29.519.305.990</u>	<u>377.696.397</u>	<u>4.210.098.856.402</u>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	125.483.405.817	258.760.650.077	36.549.424.740	7.493.333.704	-	428.286.814.338
Tăng trong năm	353.606.456.758	920.694.883.003	63.024.839.953	11.749.697.704	391.410.797	1.349.467.288.215
<i>Tăng do sáp nhập</i>	<i>343.204.415.710</i>	<i>869.128.930.046</i>	<i>59.250.353.450</i>	<i>10.564.572.554</i>	<i>391.410.797</i>	<i>1.282.539.682.557</i>
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>10.402.041.048</i>	<i>51.565.952.957</i>	<i>3.774.486.503</i>	<i>1.185.125.150</i>	<i>-</i>	<i>66.927.605.658</i>
Giảm trong năm	-	(7.676.622.607)	(2.600.000.000)	(1.208.219.167)	(13.714.400)	(11.498.556.174)
<i>Giảm do sáp nhập</i>						
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>-</i>	<i>(4.483.564.887)</i>	<i>(1.600.000.000)</i>	<i>(1.070.860.449)</i>	<i>(13.714.400)</i>	<i>(7.168.139.736)</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>-</i>	<i>(2.708.251.320)</i>	<i>(1.000.000.000)</i>	<i>(134.705.105)</i>	<i>-</i>	<i>(3.842.956.425)</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>-</i>	<i>(484.806.400)</i>	<i>-</i>	<i>(2.653.613)</i>	<i>-</i>	<i>(487.460.013)</i>
Số cuối kỳ	<u>479.089.862.575</u>	<u>1.171.778.910.473</u>	<u>96.974.264.693</u>	<u>18.034.812.241</u>	<u>377.696.397</u>	<u>1.766.255.546.379</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	166.835.756.514	1.191.382.102.858	24.811.416.023	2.935.233.410	-	1.385.964.508.805
Số cuối kỳ	<u>588.219.368.929</u>	<u>1.784.008.526.470</u>	<u>60.130.920.875</u>	<u>11.484.493.749</u>	<u>-</u>	<u>2.443.843.310.023</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Chi phí khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	86.789.508.560	909.098.120	1.845.736.682	89.544.343.362
Tăng do sáp nhập	-	1.489.312.058	2.468.110.000	† 3.957.422.058
Mua trong năm	-	-	237.840.000	237.840.000
Phân loại lại tài sản	30.057.996.810	-	(129.854.000)	29.928.142.810
Số cuối kỳ	116.847.505.370	2.398.410.178	4.421.832.682	123.667.748.230
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.789.508.560	692.616.548	1.654.790.065	4.136.915.173
Tăng trong năm	242.403.200	1.579.982.614	583.776.428	2.406.162.242
Tăng do sáp nhập	-	1.415.636.266	391.795.618	1.807.431.884
Khấu hao trong năm	242.403.200	164.346.348	191.980.810	598.730.358
Giảm do sáp nhập	-	-	(129.854.000)	(129.854.000)
Số cuối kỳ	2.031.911.760	2.272.599.162	2.108.712.493	6.413.223.415
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	85.000.000.000	216.481.572	190.946.617	85.407.428.189
Số cuối kỳ	114.815.593.610	125.811.016	2.313.120.189	117.254.524.815

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ	629.768.182	616.968.182
Chi phí xây dựng cơ bản tự làm	2.880.759.526	2.012.723.216
XDCB dở dang	5.767.688.886.146	4.656.680.339.644
Công trình Dự án Nhà máy xi măng Bình Phước (*)	5.025.798.108.779	4.607.425.091.487
Công trình dự án Mỏ đá Vĩnh Tân	22.094.500.466	22.081.170.466
Công trình dự án Văn phòng 360 Bến Chương Dương	27.963.612.287	25.197.288.460
Dự án nhà ở CBCNV ở Bình Phước	140.002.536.578	-
Dự án Trạm nghiên cứu Long An	45.424.691.541	-
Dự án Hà Tiên 2.2	502.045.040.911	-
Các công trình khác	4.360.395.584	1.976.789.231
Sửa chữa máy móc thiết bị	9.258.268.543	6.623.935.410
Cộng	5.780.457.682.397	4.665.933.966.452

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng	700.000	14.000.000.000	700.000	14.000.000.000
- Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.100.000	42.000.000.000	2.100.000	42.000.000.000
Cộng		56.000.000.000		56.000.000.000

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số lượng	Mệnh giá	Tổng giá trị theo mệnh giá	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng	700.000	10.000	7.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.100.000	10.000	21.000.000.000	42.000.000.000
Cộng			28.000.000.000	56.000.000.000

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Số dư đầu năm	(7.420.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	1.470.000.000
Số cuối kỳ	(5.950.000.000)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị thương hiệu	214.252.281.000	158.752.281.000
Chi phí tư vấn sáp nhập	3.096.000.000	-
Công cụ dụng cụ	366.326.000	-
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng trạm nghiên Phú Hữu	-	30.542.803.210
Chi phí trả trước dài hạn khác	656.228.145	-
Cộng	218.370.835.145	189.295.084.210

14. Tài sản dài hạn khác

Chủ yếu là khoản ký quỹ dài hạn.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	850.799.923.286	317.687.941.124
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	326.390.592.982	144.578.529.196
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22)	205.192.690.667	280.036.601.667
Cộng	1.382.383.206.935	742.303.071.987

Các khoản vay trên để bổ sung vốn lưu động và không phải thế chấp.

16. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Siam City Cement Public Co., Ltd.	-	17.188.189.568
Công ty ABB – Switzerland	48.103.243.170	51.727.761.237
Công ty Haver & Boecker	-	13.339.232.607
Công ty Loesche	55.433.760.805	89.242.655.333
Công ty Polysius	-	10.054.321.090
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	11.705.373.506	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Tiến	15.483.471.631	-
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải xi măng	42.475.692.151	-
Các nhà cung cấp khác	591.236.204.870	342.607.354.961
Cộng	764.437.746.133	524.159.514.796

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Tăng do sáp nhập	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	6.388.452.088	15.016.959.705	(15.405.907.212)	5.999.504.581
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	(14.570.337)	80.785.037.902	(80.785.037.902)	(14.570.337)
Thuế xuất, nhập khẩu	3.216.701.341	(4.243.788)	39.702.096.337	(40.578.824.763)	2.335.729.127
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.982.383.052	13.216.861.958	26.898.520.123	(7.865.094.714)	36.232.670.419
Thuế thu nhập cá nhân	495.494.929	966.721.650	4.110.169.234	(3.415.502.008)	2.156.883.805
Thuế tài nguyên	300.008.800	925.588.937	4.626.887.968	(4.639.665.694)	1.212.820.011
Tiền thuê đất	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	125.591.237	5.188.355.136	(5.173.860.014)	140.086.359
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	24.064.000	423.172.530	1.160.540.366	(1.243.242.346)	364.534.550
Cộng	8.018.652.122	22.027.574.275	178.313.113.122	(159.931.681.003)	48.427.658.516

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 6 tháng đầu năm 2010 được tạm ghi nhận theo số liệu ước tính.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá, đất tại mỏ đá Vĩnh Tân và Kiên Lương với mức thuế suất là 7% dựa trên giá tính thuế và sản lượng khai thác.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho nhà máy, văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng và mỏ đá tại Vĩnh Tân, tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay trích trước	13.884.577.865	6.159.654.952
Chi phí trích trước khác	4.262.466.646	-
Cộng	18.147.044.511	6.159.654.952

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.897.724.314	908.461.380
Phải trả về cổ phần hóa	20.715.000	-
Phải trả Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam	30.404.403.644	11.254.285.251
Các khoản phải trả khác	3.994.699.686	5.277.597.748
Cộng	<u>36.317.542.644</u>	<u>17.440.344.379</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm		(2.648.750.760)
Tăng do sáp nhập		8.542.335.918
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		5.025.992.251
Tăng khác		18.100.000
Chi quỹ trong kỳ		(11.982.623.376)
Khấu hao tài sản hình thành từ nguồn quỹ phúc lợi		(27.416.520)
Số cuối kỳ		<u>(1.072.362.487)</u>

21. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II ^(a)	576.438.466.628	530.764.862.141
Vay hợp vốn của 8 ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II làm đầu mối ^(b)	1.821.600.000.000	1.718.475.836.077
Vay Ngân hàng Société Générale ^(c)	2.206.505.105.950	2.507.711.445.747
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang ^(d)	625.701.191.354	-
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang ^(e)	111.657.244.870	-
Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang ^(f)	301.907.745.728	-
Vay Ngân hàng Calyon ^(g)	915.443.860.991	-
Cộng	<u>6.559.253.615.521</u>	<u>4.756.952.143.965</u>

(a) Khoản vay thế chấp bằng tài sản của dự án Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II TP. Hồ Chí Minh để tài trợ dự án trạm nghiền tại Quận 9 với lãi suất theo thị trường, thời hạn vay 10 năm.

(b) Khoản vay thế chấp bằng tài sản của dự án, được tài trợ vốn vay hợp vốn của 8 Ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – Sở Giao dịch II làm đầu mối để tài trợ cho dự án Xi măng Bình Phước với khoản tín dụng tối đa là 1.980 tỷ VND, thời hạn vay 11 năm, lãi suất theo thị trường.

(c) Khoản vay có bảo lãnh của Bộ Tài chính để tài trợ gói thiết bị số 1 Dự án Xi măng Bình Phước với hạn mức EUR 51.584.785 và USD 17.082.379, thời hạn vay 13 năm, lãi suất EURIBOR6M + 0,2%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (d) Khoản vay thế chấp bằng Quyền sử dụng đất thuê với diện tích 7.243.385 m², tài sản gắn liền trên đất tại Thị trấn Kiên Lương, Kiên Giang và tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay dùng để tài trợ cho Dự án Hà tiên 2.2 và Dự án chuyển đổi nhiên liệu từ đốt dầu sang đốt than. Thời hạn vay là 10 năm, lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 2,6%/năm.
- (e) Khoản vay thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay dùng để tài trợ cho Dự án Hà tiên 2.2 với thời hạn vay là 9 năm, lãi suất là 8,4%/năm.
- (f) Khoản vay thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay dùng để tài trợ cho Dự án Trạm nghiên cứu Long An với thời hạn vay là 6 năm, lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 0,23%/năm đối với tiền VND và lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 2,16%/năm đối với tiền USD.
- (g) Khoản vay tín chấp dùng để tài trợ cho Dự án Hà Tiên 2.2 với thời hạn vay là 10 năm, lãi suất EURIBOR thả nổi + 0,16%/năm hoặc + 1,53%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	4.756.952.143.965	2.997.745.149.662
Tăng do sáp nhập	1.648.535.123.446	-
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	541.015.043.692	1.158.111.230.205
Lãi vay nhập gốc	21.526.340.106	-
Chênh lệch tỷ giá	(335.639.331.621)	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(73.135.704.067)	-
Số cuối kỳ	<u>6.559.253.615.521</u>	<u>4.155.856.379.867</u>

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.334.188.240.000	725.438.730.000
Vốn góp của các cổ đông khác	645.811.760.000	374.561.270.000
Thặng dư vốn cổ phần	70.790.410.045	68.945.452.346
Cổ phiếu quỹ	(902.752.100)	(902.752.100)
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.517.214.120	-
Cộng	<u>2.055.404.872.065</u>	<u>1.168.042.700.246</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:		
Cổ tức năm trước (*)		73.286.008.700
Tạm ứng cổ tức năm nay		-
Cộng		<u>73.286.008.700</u>

- (*) Trong đó Nhà máy Kiên Lương đã chi cho cổ tức năm 2009 cho các cổ đông Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 (trước khi sáp nhập) là 35.262.563.700 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	198.000.000	110.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	198.000.000	110.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	198.000.000	110.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	48.000	48.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.000	48.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	197.952.000	109.952.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	197.952.000	109.952.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ của Dự án Nhà máy xi măng Bình Phước. Khoản chênh lệch tỷ giá này sẽ được phân bổ trong thời gian tối đa 5 năm kể từ khi dự án hoàn thành đi vào sản xuất theo Công văn chấp thuận số 9636/BTC-TCDN ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Công ty tạm thời phân bổ số dư chênh lệch tỷ giá của khoản vay dài hạn cho Dự án Nhà máy xi măng Bình Phước trong vòng 5 năm.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II
Tổng doanh thu	1.216.888.522.607
- <i>Xi măng</i>	1.166.484.483.872
- <i>Vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát ISO</i>	7.327.703.709
- <i>Clinker, vật liệu và cung cấp các dịch vụ khác</i>	43.076.335.026
Các khoản giảm trừ doanh thu (Chiết khấu thương mại)	<u>(18.395.493.900)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.198.493.028.707</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Quý II
Giá vốn xi măng thành phẩm	916.491.996.511
Giá vốn thành phẩm xi măng xây dựng, gạch các loại, cát ISO	6.001.273.980
Giá vốn clinker, vật liệu và cung cấp các dịch vụ khác	41.448.442.838
Cộng	<u>963.941.713.329</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II
Lãi tiền gửi	991.429.054
Cổ tức, lợi nhuận được chia	985.980.322
Lãi chênh lệch tỷ giá (*)	51.979.455.486
Lãi đầu tư cổ phiếu, ủy thác	1.189.952.594
Cộng	<u>55.146.817.456</u>

(*) Trong đó bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá lũy kế đến ngày 30 tháng 4 năm 2010 được đưa vào thu nhập tài chính trong kỳ do thay đổi chính sách hạch toán chênh lệch tỷ giá khi sáp nhập là 10.422.803.070 VND.

4. Chi phí tài chính

	Quý II
Chi phí lãi vay	77.939.059.225
Chiết khấu thanh toán	1.261.432.265
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.149.442.423
Hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(728.365.400)
Cộng	<u>87.621.568.513</u>

5. Chi phí bán hàng

	Quý II
Chi phí nhân viên	7.298.917.439
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	353.657.390
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	72.153.550
Chi phí khấu hao TSCĐ	397.919.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.776.021.127
Chi phí quảng cáo	1.406.015.034
Chi phí khuyến mãi	19.666.845.799
Chi phí bằng tiền khác	1.686.866.150
Cộng	<u>39.658.396.217</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II
Chi phí nhân viên	21.573.284.386
Chi phí vật liệu quản lý	2.208.009.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.051.963.967
Thuế, phí và lệ phí	4.448.853.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.048.829.347

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II


Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí bằng tiền khác	20.139.565.821
Cộng	54.470.506.466
7. Thu nhập khác	
	Quý II
Thu nhập khác	804.394.394
Cộng	804.394.394
8. Chi Phí khác	
	Quý II
Chi phí khác	3.267.884.027
Cộng	3.267.884.027

Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 được sáp nhập vào Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 từ ngày 30 tháng 4 năm 2010. Do vậy số liệu trong Báo cáo tài chính quý II năm 2010 bao gồm cả số liệu của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2010.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2010



Trương Thị Thu Hương
Người lập biểu



Phạm Đình Nhật Cường
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Trần Việt Thắng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	870.000.000.000	-	(902.752.100)	-	-	22.200.000.000	10.300.000.000	77.597.318.355	979.194.566.255
Phát sinh trong năm trước	230.000.000.000	68.945.452.346	-	-	(215.666.661.549)	-	-	-	83.278.790.797
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	160.612.590.796	160.612.590.796
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	25.063.233.739	3.900.000.000	(29.720.918.356)	(757.684.617)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-	(51.376.400.000)	(51.376.400.000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	21.120.000	-	1	21.120.001
Số dư cuối năm trước	1.100.000.000.000	68.945.452.346	(902.752.100)	-	(215.666.661.549)	47.284.353.739	14.200.000.000	157.112.590.796	1.170.972.983.232
Số dư đầu năm nay	1.100.000.000.000	68.945.452.346	(902.752.100)	-	(215.666.661.549)	47.284.353.739	14.200.000.000	157.112.590.796	1.170.972.983.232
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	-	-	-	296.584.026.271	-	-	-	296.584.026.271
Tăng do sáp nhập	880.000.000.000	1.844.957.699	-	5.517.214.120	(10.422.803.070)	15.674.892.464	9.171.340.900	55.276.793.110	957.062.395.223
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	104.915.606.554	104.915.606.554
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-	(109.952.000.000)	(109.952.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	34.103.969.005	8.030.629.540	(47.160.590.795)	(5.025.992.250)
Số dư cuối kỳ	1.980.000.000.000	70.790.410.045	(902.752.100)	5.517.214.120	70.494.561.652	97.063.215.208	31.401.970.440	160.192.399.665	2.414.557.019.030

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2010



Trương Thị Thu Hương
Người lập biểu



Phạm Đình Nhật Cường
Trưởng phòng tài chính kế toán



Trần Việt Thắng
Tổng Giám đốc